TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 81/2020/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 20 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 678/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Quốc D, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 25/177 đường P, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

2. Chị Đoàn Thị Minh D, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 159/2 đường T, phường Phước Vĩnh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Quốc D và chị Đoàn Thị Minh D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 18/7/2013. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh D ham chơi, không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Anh Nguyễn Quốc D, chị Đoàn Thị Minh D xác định hiện tại tình cảm không còn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Quốc D và chị Đoàn Thị Minh D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Quốc D, chị Đoàn Thị Minh D xác nhận có 01 con chung tên là Nguyễn Đăng A, sinh ngày 29/11/2013. Hiện nay cháu Nguyễn Đăng Ađang ở với chị Đoàn Thị Minh D. Hai bên thỏa thuận giao cháu Nguyễn Đăng A cho chị Đoàn Thị Minh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Quốc D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau ly hôn. Anh Nguyễn Quốc D, chị Đoàn Thị Minh D tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên cần áp dụng Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con của anh, chị.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Quốc D, chị Đoàn Thị Minh D cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Quốc D, chị Đoàn Thị Minh D mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành 12/02/2020, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quốc D và chị Đoàn Thị Minh D.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đăng A, sinh ngày 29/11/2013 cho chị Đoàn Thị Minh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Quốc D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Quốc D, chị Đoàn Thị Minh D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Quốc D, chị Đoàn Thị Minh D mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh Nguyễn Quốc D, chị Đoàn Thị Minh D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/008954 ngày 09 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế;
- Chi cục THADS Thành phố Huế;
- UBND phường Phú Nhuận;
(ĐKKH số: 45, ngày 18/7/2013);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, HNGĐ;

THẨM PHÁN

Mai Thị Mộng Trinh